

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN (Số: 116.....)

- Số và ký hiệu văn bản đến: 489/ĐS - CHKD..... ngày 09 tháng 3 năm 2016
- Tên cơ quan ban hành văn bản: Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam.....
- Nơi xử lý văn bản: Ông Chủ tịch CTy Ngày trình 10-3-2016. Người trình (ký) phung

NỘI DUNG XỬ LÝ:

Chức vụ: - Thủ ký HĐQT cùng ghi, may
Thống đốc dự án đề: HĐQT, Ban điều hành, Ban K/Số
Các phòng n/vun báo đề Thủ tịch
Phòng: KKT-KD Tổng hợp báo cáo
Các phòng n/vun Công cấp Sở/Lĩnh vực

KẾT QUẢ XỬ LÝ:

10/3/2016



**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

Số: 489/ĐS-KHKD

V/v báo cáo tình hình thực hiện
Quý I và kế hoạch nhiệm vụ sản
xuất kinh doanh Quý II năm 2016

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:

- Các Ban thuộc Cơ quan TCT Đường sắt Việt Nam;
- Trung tâm Y tế đường sắt; Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt;
- Trường Cao đẳng nghề đường sắt;
- Các Chi nhánh thuộc Tổng công ty: Khai thác đường sắt, XN Đầu máy;
- Chi nhánh ga Đồng Đăng;
- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại:
 - + Các Công ty CP: vận tải đường sắt Hà Nội, Sài Gòn; vận tải và thương mại đường sắt (RATRACO);
 - + Các Công ty CP: QLĐS, TTTH ĐS;
 - + Công ty CP xe lửa Dĩ An; xe lửa Gia Lâm;

Để chuẩn bị đánh giá tình hình thực hiện Quý I và xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác Quý II năm 2016 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng giám đốc giao nhiệm vụ cho các đơn vị, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty (Người đại diện) tại các đơn vị báo cáo các nội dung như sau:

1. Ban Kế hoạch - Kinh doanh

- Báo cáo tình hình thực hiện SXKD của Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty Quý I năm 2016, số liệu và phân tích đánh giá theo các chỉ tiêu của các mặt sản xuất.
- Tổng hợp tình hình thực hiện các nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực: Vận tải, đầu tư xây dựng, các nguồn vốn của Tổng công ty và vốn liên doanh, liên kết, vốn góp...
- Tình hình thực hiện các dự án khai thác quỹ đất trong toàn Tổng công ty.
- Đánh giá tình hình kinh doanh KCHT đường sắt trong Quý I năm 2016.
- Công tác tiếp thị, quảng cáo; Công tác quản lý, phát triển công nghệ về hệ thống bán vé điện tử Quý I năm 2016.
- Các đề xuất kiến nghị (nếu có).
- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện Quý II năm 2016.
- Thực hiện các biểu số 1, 2(A,B), 7 (gửi kèm văn bản này)

2. Ban Quản lý kết cấu hạ tầng ĐS

- Kết quả thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì KCHT Quý I năm 2016 và so với cùng kỳ năm 2015: Tình hình thực hiện về vốn SNKT Quý I năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015, công tác giao kế hoạch nguồn vốn SNKT; đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện và những ưu khuyết điểm nổi bật đã làm được như kết quả các công trình đột xuất, công trình lớn của Ngành về nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Đánh giá chất lượng CSHT Quý I năm 2016 so với cùng kỳ năm 2014 (có các chỉ

tiêu cụ thể về chống xóc lắc).

- Công tác quản lý đường ngang; phòng chống bão lụt và quản lý đất đai.
 - Những tồn tại và giải pháp khắc phục;
 - Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch Quý II năm 2016 đặc biệt các giải pháp quản lý tài sản KCHT ĐS, quản lý nguồn vốn SNKT theo mô hình tổ chức mới của Ban.
- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có)
- Thực hiện biểu số 3, 6 (*gửi kèm văn bản này*)

3. Ban Vận tải

- Những kết quả và tồn tại chủ yếu trong vận tải hành khách, hàng hóa Quý I năm 2016: tình hình xây dựng và thực hiện BĐCT; việc kiểm tra xử lý cán bộ công nhân viên vi phạm quy định của ngành trong công tác phục vụ khách hàng.
- Tình hình tàu khách đi, đến đúng giờ (tỷ lệ % của tàu Thống Nhất, tàu địa phương) Quý I năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015 (có phân tích nguyên nhân và kiến nghị biện pháp để tăng tỷ lệ tàu đi đến đúng giờ trong năm 2016).
- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện Quý II năm 2016. Các biện pháp tăng năng lực chạy tàu trên các tuyến đường sắt năm 2016.
- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

4. Ban Đầu máy toa xe

- Đánh giá về số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác khai thác, vận dụng đầu máy Quý I năm 2016 (so với cùng kỳ năm 2015).
- Tình hình thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp ... đầu máy phục vụ vận tải Quý I năm 2016.
- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật vận dụng đầu máy toa xe Quý I năm 2016 có phân tích đánh giá và so với cùng kỳ năm 2015.
- Nhu cầu sử dụng về đầu máy; các giải pháp tăng số lượng, nâng cao chất lượng vận dụng, sửa chữa đầu máy đáp ứng chạy tàu, đảm bảo an toàn quý II năm 2016.

5. Ban Tổ chức Cán bộ - Lao động

- Tình hình thực hiện Quý I năm 2016 về các mặt:
 - + Lao động, tiền lương và các chế độ chính sách. Công tác an toàn lao động (số vụ tai nạn, nguyên nhân ... so với cùng kỳ năm 2016).
 - + Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện Quý II năm 2016.
- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

6. Ban Tài chính Kế toán

- Đánh giá tình hình tài chính của Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty Quý I năm 2016;
- Tổng hợp, đánh giá tình hình giải ngân các công trình, dự án sử dụng nguồn vốn SNKT Quý I, so với cùng kỳ năm 2015.
- Công tác triển khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2016.
- Tình hình về lãi vay các dự án; vốn vay phục vụ các dự án đầu tư.
- Tình hình đầu tư, góp vốn tại các công ty cổ phần; nộp lợi tức về Tổng công ty. Công tác thoái vốn tại các Công ty cổ phần và cổ phần hoá 24 Công ty TNHH MTV của Tổng công ty.
- Dự kiến nhiệm vụ, kế hoạch tài chính quý II năm 2016 của Công ty Mẹ, toàn Tổng công ty và các đề xuất thực hiện.

- Thực hiện biểu số 6, 9 (*gửi kèm văn bản này*)

7. Ban CBĐT các dự án đường sắt:

- Đánh giá tình hình thực hiện gồm kết quả, tiến độ, những ưu khuyết điểm nổi bật đã làm được so với kế hoạch và phát sinh của các nội dung:

+ Công tác chuẩn bị đầu tư và lập báo cáo đầu tư của các dự án chiến lược, các dự án lớn của Ngành.

+ Các dự án theo quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Chính phủ: Về vốn, công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện, tình hình giải ngân Quý I năm 2016 có so sánh với cùng kỳ năm 2015.

- Tình hình triển khai kế hoạch phân bổ vốn ĐTPT, Trái phiếu Chính phủ Quý I năm 2016, đánh giá thực hiện.

- Công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước năm 2016.

- Kiến nghị và đề xuất (nếu có).

- Kế hoạch và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2016.

- Thực hiện các biểu số 4, 6 (*gửi kèm văn bản này*).

8. Ban Quản lý xây dựng:

- Tổng kết, đánh giá hoạt động xây dựng cơ bản của Tổng công ty Quý I năm 2016.

- Tình hình triển khai các dự án: Quản lý đấu thầu, thực hiện đầu tư, tình hình giải ngân Quý I năm 2016 có đánh giá tình hình thực hiện và so sánh với kế hoạch, với cùng kỳ năm 2015. Đánh giá công tác tư vấn, quản lý, giám sát dự án.

- Tiến độ triển khai các dự án trọng điểm Quý I năm 2016.

- Những khó khăn, tồn tại và đề xuất kiến nghị nếu có.

- Kế hoạch, biện pháp thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2016.

- Thực hiện các biểu số 4, 6 (*gửi kèm văn bản này*).

9. Ban Bảo vệ, an ninh, quốc phòng.

- Tình hình an toàn, phòng chống cháy nổ, trật tự an ninh, quốc phòng quân sự trong toàn Tổng công ty Quý I năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015.

- Tình hình chống ném đá, chống phe vé, chống mất cắp...

- Kế hoạch và biện pháp thực hiện công tác Quý II năm 2016.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

10. Ban Kiểm soát nội bộ

- Tình hình thực hiện công tác thanh tra pháp chế, phòng chống tham nhũng Quý I năm 2016.

- Công tác xây dựng và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật; tiến độ xây dựng và triển khai các qui chế nội bộ Quý I năm 2016.

- Công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp khác Quý I năm 2016.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện Quý II năm 2016.

11. Ban Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ

- Tình hình công tác hợp tác quốc tế; vận chuyển hàng liên vận quốc tế Quý I năm 2016, so với cùng kỳ năm 2015.

- Đánh giá tình hình thực hiện công tác khoa học công nghệ Quý I năm 2016, những

công trình, dự án, đề tài trọng điểm; các ứng dụng nổi bật. Những tồn tại cần khắc phục.

- Đánh giá tình hình triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu... của Tổng công ty Quý I năm 2016.

- Kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế và KHCN Quý II năm 2016.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

12. Ban An toàn giao thông ĐS

- Tình hình an toàn giao thông đường sắt, số vụ tai nạn Quý I năm 2016 (chủ quan và khách quan, từng hệ, từng công ty, đánh giá mức thiệt hại). Nêu những nguyên nhân chính gây tai nạn, so với cùng kỳ năm 2015; hiệu quả những biện pháp kiểm chế tai nạn GT đã triển khai.

- Công tác kiểm tra xử lý vi phạm an toàn giao thông đường sắt.

- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện; đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn chạy tàu Quý II năm 2016.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

- Thực hiện biểu số 5 (*gửi kèm văn bản này*)

13. Văn phòng TCT ĐSVN.

- Tình hình công tác của Văn phòng; tình hình triển khai ISO; mạng nội bộ trong Tổng công ty; công tác thi đua khen thưởng Quý I năm 2016.

- Tổng hợp doanh thu (nếu có), chi phí Quý I năm 2016.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

- Kế hoạch, biện pháp thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2016.

- Thực hiện biểu số 8 (*gửi kèm văn bản này*)

14. Trung tâm Y tế Đường sắt, Trường Cao đẳng nghề đường sắt.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý I năm 2016, những thuận lợi và khó khăn vướng mắc.

- Kế hoạch và giải pháp, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ Quý II năm 2016.

15. Trung tâm điều hành vận tải đường sắt

- Đánh giá tình hình thực hiện công tác điều hành GTVT, phân tích nguyên nhân lý do tăng/giảm so với kế hoạch, cùng kỳ

- Tổng hợp chi phí quý I năm 2016.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch Quý II năm 2016.

- Thực hiện biểu số 8 (*gửi kèm văn bản này*)

16. Các Chi nhánh của Tổng công ty

16.1. Khai thác đường sắt, ga Đồng Đăng

- Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của Chi nhánh Quý I năm 2016 (tham gia ĐHGTVT, kinh doanh kết cấu hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ vận tải; tổng hợp doanh thu, chi phí của đơn vị; việc làm, thu nhập của CBCNV...)

- Các đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện của Chi nhánh Quý II năm 2016.

- Thực hiện biểu số 8, mục 2, 3, 4 khoản II biểu số 2A (*gửi kèm văn bản này*)

16.2. Xí nghiệp Đầu máy

- Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của Chi nhánh Quý I năm 2016 (vận dụng, sửa chữa đầu máy, kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đánh giá những ưu

nhược điểm; tổng hợp doanh thu, chi phí của đơn vị; việc làm, thu nhập của CBCNV...)

- Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện của Chi nhánh Quý II năm 2016.
- Thực hiện biểu số 8, mục 1 khoản II biểu số 2A (*gửi kèm văn bản này*)

17. Người đại diện tại các Công ty CP: vận tải đường sắt, RATRACO

- Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; kết quả thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phân tích biến động của luồng hàng, luồng khách, chân hàng; việc xây dựng và điều hành giá cước vận chuyển của Công ty trong Quý I năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015.
- Đánh giá về số lượng, chất lượng, hiệu quả khai thác vận dụng và quản lý toa xe.
- Công tác quản lý dịch vụ vận tải, đại lý bán vé... Giải pháp nâng cao chất lượng vận chuyển, chất lượng phục vụ khách hàng. Công tác tiếp thị, quảng cáo.
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.
- Các đề xuất kiến nghị (nếu có).
- Xây dựng các chỉ tiêu SXKD Quý II năm 2016 (có so sánh với cùng kỳ), các giải pháp thực hiện.
- Đăng ký kế hoạch thuê dịch vụ Điều hành GTVT Quý II theo biểu 2A (*gửi kèm văn bản này*);
- Thực hiện biểu số 2B (*gửi kèm văn bản này*)

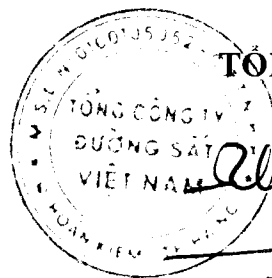
18. Người đại diện tại các Công ty CP: QLĐS, TTTH ĐS

- Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; kết quả thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp. Các đề xuất kiến nghị (nếu có).
- Xây dựng nhiệm vụ SXKD Quý II năm 2016 (có so sánh với cùng kỳ) và các giải pháp thực hiện.

Trên đây là những nội dung cơ bản để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý I và xây dựng kế hoạch nhiệm vụ, công tác Quý II năm 2016 của TCT Đường sắt Việt Nam. Yêu cầu các đơn vị, Người đại diện khẩn trương báo cáo theo các nội dung nói trên và gửi về Tổng công ty (công văn qua Ban Kế hoạch - Kinh doanh, email thuy.nguyenthiminh@vr.com.vn hoặc PO7 - thuy.nguyenthiminh) **trước ngày 19/3/2016** để tổng hợp báo cáo kịp tiến độ. Sau thời hạn này, Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về nội dung còn thiếu của đơn vị mình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV, ĐUĐS (để BC);
- Văn phòng TCT (phối hợp TH);
- Lưu VT, KHKD.



TỔNG GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

Vũ Tá Tùng

Phụ lục 1

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý I năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Tổng công ty	Công ty Mẹ	Các Công ty CP chi phối		
				Vận tải	Công nghiệp	KCHTĐS
1	Tổng giá trị sản lượng					
	Thực hiện (tỷ đồng)					
	So với kế hoạch(%)					
	So với cùng kỳ(%)					
2	Tổng doanh thu					
	Thực hiện (tỷ đồng)					
	So với kế hoạch(%)					
	So với cùng kỳ(%)					
3	Tổng giá trị đầu tư trong ngành					
	Thực hiện (tỷ đồng)					
	So với kế hoạch(%)					
	So với cùng kỳ(%)					
4	Tổng giá trị đầu tư ngoài ngành					
	Thực hiện (tỷ đồng)					
	So với kế hoạch(%)					
	So với cùng kỳ(%)					
5	Thu nhập bình quân					
	Thực hiện (nghìn đồng/người/tháng)					
	So với kế hoạch(%)					
	So với cùng kỳ(%)					
6	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu					
	Thực hiện (%)					
	So với kế hoạch(%)					
	So với cùng kỳ(%)					

Phụ lục 2A

Sản phẩm Điều hành GTVT và các Dịch vụ hỗ trợ Quý I năm 2016

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Quý I Năm 2016		Tỷ lệ thực hiện (%)		Dự kiến Quý II
			Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch	So cùng kỳ	
I	Điều hành GTVT						
1	Đoàn tàu Km (a+b)	1000 ĐTKm					
a	Hàng hóa	1000 ĐT.Km					
b	Hành khách	1000 ĐT.Km					
2	Giờ dôn	Giờ					
II	Dịch vụ hỗ trợ						
1	Sức kéo						
a	Đầu máy KM	1000 ĐMKm					
b	Tấn KM Tổng trọng	1000 TKmTT					
b	Giờ dôn	Giờ					
2	Dịch vụ phục vụ hàng hóa						
a	Tấn xếp	Tấn					
b	Tấn dỡ	Tấn					
3	Dịch vụ phục vụ hành khách						
a	TN khách tại ga lập, giải thể	Lượt					
b	TN khách tại ga dọc đường	Lượt					
4	Giao tiếp LVQT						
a	Xe xuất	Toa xe					
b	Xe nhập	Toa xe					

Phụ lục 2B

Sản lượng và doanh thu vận tải Quý I năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Tỷ lệ thực hiện (%)		Dự kiến Quý II
		Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch	So cùng kỳ	
Giá trị sản lượng	<i>Tỷ đồng</i>					
Tấn xép hàng hóa	<i>1000 Tấn</i>					
Tấn Km hàng hóa	<i>1000 T.Km</i>					
Hành khách lên tàu	<i>1000 người</i>					
Hành khách Km	<i>1000 HK.Km</i>					
Tấn hành lý	<i>1000 Tấn</i>					
Tấn Km hành lý	<i>1000 T.Km</i>					
Tấn Km tính đổi	<i>1000 T.Km</i>					
Doanh thu	<i>Tỷ đồng</i>					
Trong đó:						
Thu hàng	<i>Tỷ đồng</i>					
Thu khách	<i>Tỷ đồng</i>					
Thu hành lý	<i>Tỷ đồng</i>					
Thu khác	<i>Tỷ đồng</i>					

Phụ lục 3
Số liệu chất lượng cầu đường Quý I năm 2016

TT	Tuyến đường sắt	Kỳ báo cáo		Cùng kỳ năm trước	
		Bình quân điểm sai (điểm/Km)	Tốc độ chạy tàu bình quân (Km/h)	Bình quân điểm sai (điểm/Km)	Tốc độ chạy tàu bình quân (Km/h)
1	Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh				
2	Yên Viên - Lào Cai				
3	Hà Nội - Đồng Đăng				
4	Gia Lâm - Hải Phòng				
5	Đông Anh - Quán Triều				

Phụ lục 4

Tình hình triển khai các dự án trọng điểm Quý I năm 2016

TT	Tên dự án	Tiến độ (Kế hoạch)	Tình hình và tiến độ thực hiện	Dự kiến thực hiện trong kỳ tiếp theo
I - Chuẩn bị đầu tư				
				
II- Công tác thực hiện đầu tư				
				

Phụ lục 5

Tình hình An toàn giao thông vận tải đường sắt Quý I năm 2016

(Số liệu tính đến /3/2016)

TT			Kỳ báo cáo		So cùng kỳ năm trước	
			Quý I năm 2016	Quý I năm 2015	T.Đối	Tỷ lệ %
I	Tai nạn GTĐS	Tổng số vụ:				
	Tính chất	Tai nạn chạy tàu				
		Tai nạn khác				
	Mức độ TH	ĐB nghiêm trọng				
		Nghiêm trọng				
		Ít nghiêm trọng				
	Nguyên nhân	Chưa rõ NN				
		Khách quan	Tổng số			
			Ngoài ngành			
			Thiên tai			
		Chủ quan	Tổng số			
			Vận tải			
			Đầu máy			
			Toa xe			
			Cầu đường			
			Công trình			
			TTTH			
			ĐHVT			
			Chưa rõ			
II	Sự cố chạy tàu	Tổng số vụ				
		Khách quan	Tổng số			
			Ngoài ngành			
			Thiên tai			
		Chủ quan	Tổng số			
			Vận tải			
			Đầu máy			
			Toa xe			
			Cầu đường			
			Công trình			
			TTTH			
			ĐHVT			
			Chưa rõ			
III	Thiệt hại	Chết (người)				
		Bị thương (người)				
		Thời gian chậm tàu (h)				
		Thời gian bế tắc CT(h)				
		Số mét ĐS bị hỏng				
		Số ĐM bị hỏng				
		Số TX bị hỏng				
		Số ÔTô, xe máy BH				

Phụ lục 6

Tình hình thực hiện các nguồn vốn Quý I năm 2016

STT	Nội dung	Kế hoạch năm (tỷ đồng)	Thực hiện		Giải ngân		Ghi chú
			Giá trị (tỷ đồng)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)	Giá trị (tỷ đồng)	
1	Vốn ngân sách Nhà nước ĐTP						
1.1	- <i>Vốn trong nước</i>						
	a. Vốn theo kế hoạch:						
	+ Vốn cho các dự án trong nước						
	+ Vốn cho trường học						
	b. Vốn ứng trước						
1.2	- <i>Vốn trái phiếu Chính phủ</i>						
1.3	- <i>Vốn cho chuẩn bị đầu tư</i>						
2	Vốn sự nghiệp kinh tế						
3	Vốn khấu hao TSCĐ						
4	Vốn vay tín dụng						
	Tổng cộng						

Phụ lục 7

Tình hình lao động và thu nhập Quý I năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Cùng kỳ năm trước		Kỳ báo cáo		Tỷ lệ	
		Lao động	Thu nhập (1.000đồng/ tháng)	Lao động	Thu nhập (1.000đồng/ tháng)	Lao động	Thu nhập
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	CỘNG (từ 1 đến 2)						
	Lao động sản xuất chính						
1	Công ty mẹ						
	Lao động sản xuất chính						
2	Các đơn vị có vốn Nhà nước trên 50%						
	Lao động sản xuất chính						
II	CÔNG ĐOÀN						
III	VIÊN CHỨC QUẢN LÝ						
IV	KIỂM SOÁT VIÊN						
	TOÀN NGÀNH (I+...+IV)						